

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **70/2021/DSPT**
Ngày: 05/02/2021

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung,
thừa kế theo pháp luật và theo di chúc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Thẩm phán:*

1. Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Công Danh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thúy Thảo**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày **02** và **05** tháng **02** năm **2021**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 550/2020/TLPT-DS ngày 11/12/2020 về tranh chấp: “Chia tài sản chung, thừa kế theo pháp luật và theo di chúc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 150/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 669/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Cao Thị Bé H**, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, ấp LT, xã ML A, huyện CB, tỉnh Tiền Giang

* *Bị đơn:* 1. Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1963 (có mặt)

2. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1979 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

1. Bà **Lê Thị L1**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 18/88B, Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Võ Tấn T** (Tào) (còn gọi là Lê Tấn T), sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Võ Thị P**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã AT, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Lê Thị L1, bà Võ Thị P và anh Võ Tấn T: Ông Nguyễn Văn D, Luật sư, Tư vấn viên thuộc Trung tâm Tư vấn pháp luật tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Chị **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Hoàng L: Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)*

3. Bà **Võ Thị D**, (1966-2018)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị D:

3.1 Anh **Võ Văn Lê M**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

3.2 **Võ Văn Lê T**, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Anh **Lê Ngọc Q**, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Khu phố, xã Hòa Hưng, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà **Cao Thị Kim A**, sinh năm 1962 (có mặt)

5. Ông **Cao Thành L**, sinh năm 1963 (xin vắng mặt)

6. Ông **Cao Thành Q**, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

7. Bà **Cao Thị Kim L**, sinh năm 1958 (có mặt)

8. Bà **Cao Thị Bé B**, sinh năm 1967 (có mặt)

9. Bà **Cao Thị Kim H**, sinh năm 1966 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TA, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang.

10. Bà **Lê Thị Lựu**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

11. Anh **Cao Huỳnh Dương**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

12. Anh **Cao Tấn Hùng**, sinh năm 1990 (vắng mặt)

13. **Cao Tấn Lợi**, sinh năm 2006

*Người đại diện hợp pháp của của Cao Tấn Lợi: Bà **Lê Thị Lựu**, sinh năm 1968 (vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp TA, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang.

14. Chị **Cao Hoàng O**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VL, xã VB, huyện CT, tỉnh An Giang.

15. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 16, ấp LT, xã ML A, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

16. Chị **Đặng Võ Phương Hồng T**, sinh năm 1992

17. Anh **Đặng Võ Minh Q**, sinh năm 1995

*Người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh Q: Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).*

18. **Đặng Võ Phương Hồng Q**, sinh năm 2003.

19. Anh **Trần Phú Q**, sinh năm 1977

20. Chị **Trần Kim N**, sinh năm 1998

21. **Trần Kim T**, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

22. **Ủy ban nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang**

Người đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn C**, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CB. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang,

23. **Ủy ban nhân dân xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.** (vắng mặt)

Địa chỉ: xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thị V, Lê Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Võ Minh Q, Đặng Võ Phương Hồng T.

* *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn bà Cao Thị Bé H trình bày:*

Cha của bà tên là Cao Văn Hai (Cao Văn L) đã chết ngày 22/5/2002 và mẹ tên Võ Thị T chết ngày 31/7/2008; cha mẹ sinh được 01 người con chung là bà. Năm 1960, cha bà tham gia cách mạng, mẹ bà ở nhà có chồng khác sinh được 07 người con là Võ Thị V, Lê Thị L, Võ Thị P, Võ Thị D, Lê Hoàng Dũng (đã chết không có vợ con), Lê Thị L1 và Lê Tấn T (T). Lúc sinh thời, cha mẹ có tạo lập được tài sản là diện tích 148,8m² thuộc thửa số 21, do cụ Võ Thị T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng tọa lạc ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là cha mẹ mua từ lâu của địa chủ. Khi cụ T chết thì lập di chúc tặng cho chị V và chị L toàn bộ tài sản nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện CB có cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00782 ngày 04/01/2013 cho chị V và chị L, khi biết được bà có làm đơn khiếu nại và Ủy ban nhân dân huyện CB đã thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho chị V và chị L. Tại Biên bản hòa giải ngày 30/11/2007 của Ủy ban nhân dân xã AH thì cụ T có đồng ý hỗ trợ cho bà một phần công sức đóng góp xây nhà và một phần đất do bà không có chỗ ở nào khác. Việc cụ T để lại di chúc là không đúng, vì đây là tài sản chung của vợ chồng cụ T và cụ L. Mặt khác, khi lập di chúc ngày 23/11/2006, cụ T đã lớn tuổi, không còn minh mẫn, là người không biết chữ, di chúc không có người làm chứng, không đúng theo quy định pháp luật. Nay bà làm đơn yêu cầu hủy di chúc của cụ Võ Thị T ngày 23/11/2006, xác định thửa đất số 21 diện tích 148,8m² do cụ T đại diện hộ đứng tên là tài sản chung giữa cụ T và cụ L, trong đó có ½ của cụ L, yêu cầu được chia ½ tài sản chung này cho bà là 74,4m² gắn liền với căn nhà, theo hướng giáp với ông Thành; đối với ½ căn nhà còn lại trên đất bà yêu cầu chia theo pháp luật, bà nhận nhà, đồng ý hoàn lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại.

* *Bị đơn chị Võ Thị V và chị Lê Thị L trình bày:*

Mẹ của các chị là Võ Thị T, năm 1954 xác lập vợ chồng với cụ Cao Văn L sinh được người con là bà Cao Thị Bé H, sau đó cụ T và cụ L ly hôn, bà Bé H sống cùng với cụ L tại ấp LT, xã ML A, huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Năm 1957, cụ T xác lập vợ chồng với cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1969) có 05 người con gồm: Nguyễn Văn C (chết lúc nhỏ không vợ, con); Nguyễn Văn Thịnh sinh năm 1958 (đã chết) có 02 người con là Nguyễn Minh H và Nguyễn Hoàng L; Võ Thị P, sinh năm 1961; Võ Thị V sinh năm 1963 và Võ Thị D sinh năm 1967. Năm 1970, cụ T chung sống vợ chồng với cụ Lê Văn H tại ấp 1, xã M, huyện CT, tỉnh Vĩnh Long có 04 người con chung gồm: Lê Hoàng Dũng (đã chết, không có vợ con); Võ Tấn T (Tào) sinh năm 1972; Lê Thị L1 sinh năm 1975 và Lê Thị Lsinh năm 1979. Khi còn sống, cụ T có tạo lập căn nhà bán kiên cố trên thửa đất số 21 diện tích 148,8m² đất ở tại ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 25/11/2004. Ngày 31/7/2008, cụ T chết, toàn bộ nhà và đất do chị L quản lý sử dụng. Trước khi chết, ngày 23/11/2006 cụ T có lập di chúc để lại nhà và đất cho các chị thừa hưởng và được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 04/01/2013, do bà Bé H khiếu nại nên đã thu hồi lại Giấy chứng nhận này. Theo yêu cầu khởi kiện của bà Bé H thì không đồng ý, yêu cầu thực hiện theo tờ di chúc ngày 23/11/2006, để được sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lê Thị L1, chị Võ Thị P và anh Võ Tấn T (Tào) trình bày:*

Thống nhất về quan hệ trong gia đình, tài sản tranh chấp như nguyên đơn và bị đơn trình bày; mẹ là Võ Thị T chết năm 2008, sau khi mẹ chết có để lại di sản thừa kế là căn nhà gắn liền với đất như nguyên đơn và bị đơn trình bày, do chị V và chị L lập tờ di chúc giả mạo nên đây là tài sản chưa chia. Nay yêu cầu hủy tờ di chúc của cụ T, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật bằng các kỷ phần tương đương với các anh, chị, em và xin nhận giá trị bằng tiền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lê Ngọc Q, anh Võ Văn Lê M, anh Võ Văn Lê T (những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của chị Võ Thị D), anh Nguyễn Minh H và chị Nguyễn Hoàng L trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của các đương sự về tài sản thừa kế và quan hệ trong gia đình, nay theo yêu cầu tranh chấp thì các anh chị không có ý kiến tranh chấp, yêu cầu giao di sản là nhà và đất cho chị V và chị L quản lý để thờ cúng ông bà, có ý kiến xin vắng mặt không tham gia vụ kiện.

- Anh Trần Phú Q, chị Trần Kim N, chị Trần Kim T, anh Đặng Võ Minh Q, chị Đặng Võ Phương Hồng T và chị Đặng Võ Phương Hồng Q trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của các đương sự về tài sản thừa kế và quan hệ trong gia đình, nay theo yêu cầu tranh chấp thì các anh chị không có ý kiến tranh chấp, đồng ý và yêu cầu giao di sản là nhà và đất cho chị V và chị L theo như tờ di chúc, có ý kiến xin vắng mặt không tham gia vụ kiện.

- Bà Cao Thị Kim A, ông Cao Thành L, ông Cao Thành Q, bà Cao Thị Kim L, bà Cao Thị Bé B, bà Cao Thị Kim H, bà Cao Hoàng O, ông Cao Thành T (những người thừa kế là Lê Thị L, Cao Huỳnh D, Cao Tấn H và Cao Tấn L) và bà Trần Thị H không có ý kiến tranh chấp và có đơn xin vắng mặt không tham gia vụ kiện.

- Tại văn bản số 593/UBND-NC ngày 28/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang xác định: Lý do thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị V và Lê Thị L đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 8, diện tích 148,8m² tại ấp

A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang ngày 04/01/2013 là do Ủy ban nhân dân xã AH chứng thực hồ sơ, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị V và Lê Thị L không đúng quy định, từ đó đã ban hành Quyết định số 7581/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị V và Lê Thị L. Trong vụ kiện này Ủy ban nhân dân huyện CB không có ý kiến gì và xin vắng mặt, không tham gia.

Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 26, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 213, 609, 612, 630, 650, 651, 288, 357 Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H về việc yêu cầu hủy tờ di chúc và chia thừa kế theo pháp luật di sản của mẹ để lại. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thị L1, chị Võ Thị P và anh Võ Tấn T (T) (còn gọi là Lê Tấn T), về việc yêu cầu hủy tờ di chúc và chia thừa kế theo pháp luật di sản của mẹ để lại.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Võ Thị V và Lê Thị L.

2. Không công nhận tờ di chúc lập ngày 23/11/2006 của cụ Võ Thị T là hợp pháp (di chúc bị hủy).

3. Chị Võ Thị V và Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới giao lại kỷ phần thừa kế cho Cao Thị Bé H, Lê Thị L1, chị Võ Thị P và anh Võ Tấn T (Tào) (còn gọi là Lê Tấn T), mỗi người được nhận số tiền là 424.391.900 đồng.

4. Chị Võ Thị V và Lê Thị L được quyền quản lý sử dụng diện tích 148,8m², thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 8, loại đất ở, tọa lạc ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, có căn nhà thô sơ trên đất. (Qua đo đạc thực tế diện tích là 130,2m², không tính diện tích con mương gần phần đầu của thửa đất), là tài sản của cụ Võ Thị T để lại.

Kể từ ngày bà Bé H, chị Phụng, chị Lua và anh Tàu (Tào) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V và chị L chậm thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định trên số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Về án phí: Bà Hai, chị V, chị L, chị P, anh T (T) mỗi người phải chịu 20.975.676 đồng án phí sơ thẩm tương ứng phần tài sản được chia; chị V và chị L mỗi người còn phải chịu 300.000 đồng án phí phản tố không được chấp nhận. Cụ thể là:

- Bà Bé H đã nộp 2.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07755 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, được cản trừ nên phải nộp tiếp số tiền là 18.725.676 đồng.

- Chị V và chị L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08088 ngày 09/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, được cản trừ nên mỗi người phải nộp tiếp số tiền là 21.125.676 đồng.

- Chị L, chị P, anh T (T) mỗi người đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 09572, 09573, 09574 cùng ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, được cản trừ nên mỗi người phải nộp tiếp số tiền là 20.675.676 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

* Ngày 17/9/2020 bà Võ Thị V và bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Ngày 21/12/2020 bà Võ Thị V có đơn xin xem xét, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

* Ngày 21 tháng 9 năm 2020, người có quyền lợi, liên quan anh Đặng Võ Minh Q, Đặng Võ Phương Hồng T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Ngày 24/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB ban hành Quyết định kháng nghị số 32/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị L rút yêu cầu kháng cáo; bà Võ Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; chị Võ Thị P, chị Lê Thị L1 và anh Võ Tấn T đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CB, không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị P, bà Lê Thị L1 và anh Võ Tấn Tào phân tích cho rằng:

+ Về tố tụng: các đương sự trình bày thêm hàng thừa kế nhưng không có căn cứ chứng minh, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận;

+ Về nội dung: di chúc ngày 23/11/2006 của cụ Võ Thị T đã vi phạm Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 2005, tại thời điểm lập di chúc, cụ T không biết chữ nhưng không có người làm chứng, các con của cụ T đều xác định tại thời điểm năm 2006, cụ T đang bệnh nặng, không còn minh mẫn, nên di chúc không hợp pháp; bà Cao Thị Bé H yêu cầu xác định ½ diện tích đất, nhà là tài sản của cụ Cao Văn L để lại, là không có căn cứ vì cụ L không còn chung sống với cụ T tại thời điểm nhà nước công nhận quyền sử dụng đất; bà Hai cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Sau khi án sơ thẩm xử, bà Hai cũng không kháng cáo. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Bé H về việc hủy bỏ di chúc ngày 23/11/2006 và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Võ Thị V, Lê Thị L về việc công nhận di chúc; chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị P, Lê Thị L1 và anh Võ Tấn T là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà Lê Thị L rút yêu cầu kháng cáo. Bà Võ Thị V, anh Đặng Võ Minh Q và Đặng Võ Phương Hồng T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh di chúc ngày 23/11/2006 là hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng như không thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguồn gốc thửa đất số 21, diện tích 148,8m² là tài sản chung của vợ chồng cụ T hay tài sản riêng của cụ T hoặc tài sản chung của hộ gia đình cụ T; chưa thu thập tài liệu, chứng cứ về việc cụ T có biết chữ hay không tại thời điểm lập di

chức; án sơ thẩm cộng kết quả định giá tài sản năm 2018 và kết quả định giá do đương sự cung cấp là không có căn cứ; chưa xác định đầy đủ hàng thừa kế của cụ T khi chia di sản thừa kế làm ảnh hưởng quyền lợi của họ, chưa xác định công sức đóng góp của bà V, bà L trong quá trình quản lý di sản thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện CB xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Võ Thị V, Lê Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Võ Minh Q, Đặng Võ Phương Hồng T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Cao Thị Bé H, bà Võ Thị V, bà Lê Thị L, anh Võ Tấn T, chị Lê Thị L1 và bà Võ Thị P tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện:

- Cụ Cao Văn H (có tên gọi khác Cao Văn L) (chết năm 2002) và cụ Võ Thị T (1936-2008) xác lập quan hệ hôn nhân đến năm 1957 thì chấm dứt. Cụ L, cụ T có 01 con chung tên Cao Thị Bé H.

- Năm 1957, cụ Võ Thị T xác lập quan hệ hôn nhân với cụ Nguyễn Văn H (chết năm 1969) có 05 người con gồm: ông Nguyễn Văn C (chết không vợ, con); ông Nguyễn Văn T (chết) có 02 người con là anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Hoàng L; bà Võ Thị P; bà Võ Thị V; bà Võ Thị D (chết): 03 người con gồm Võ Văn Lê M, Võ Văn Lê T, Lê Ngọc Q.

- Năm 1970, cụ Võ Thị T chung sống với cụ Lê Văn H (mất năm 2012) có 04 người con gồm: ông Lê Hoàng D (chết không vợ, con); ông Võ Tấn T; bà Lê Thị L1 và bà Lê Thị L.

Sinh thời, cụ Võ Thị T có tạo lập căn nhà bán kiên cố cất trên thửa đất số 21 diện tích 148,8m² đất ở tại ấp A, xã AH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 25/11/2004. Ngày 23/11/2006, cụ Võ Thị T lập di chúc tặng cho căn nhà và phần diện tích đất cho bà Võ Thị V và bà Lê Thị L. Sau đó, bà Võ Thị V và bà Lê Thị L được Ủy ban nhân dân huyện CB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00782 ngày 04/01/2013, tuy nhiên bà Cao Thị Bé H khiếu nại, nên Ủy ban nhân dân huyện CB ban hành Quyết định số 7581/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Võ Thị V và Lê Thị L. Bà Cao Thị Bé H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích 148,8m².

Bản án án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị Bé H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Võ Thị V, Lê Thị L về việc yêu cầu công nhận di chúc; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị P, Lê Thị L1 và Võ Tấn T; chia phần diện tích 148,8m² thành 06 kỷ phần cho 06 người gồm bà Cao Thị Bé H, bà Võ Thị

V, bà Lê Thị L, bà Võ Thị P, bà Lê Thị L1 và ông Võ Tấn T; giao cho bà V, bà L được quyền quản lý sử dụng phần diện tích 148,8m² và bà V, bà L có nghĩa vụ hoàn trả mỗi kỳ phân thừa kế số tiền 424.391.900 đồng, là chưa phù hợp.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cụ thể:

[3.1] Bản án sơ thẩm nhận định cụ Võ Thị T có 03 người chồng, sinh sống vào các thời điểm khác nhau, cụ thể: từ năm 1955-1957 là vợ chồng với cụ Cao Văn L; từ năm 1957-1969 là vợ chồng với cụ Nguyễn Văn H và từ năm 1970-2012 là vợ chồng với cụ Lê Văn H, nhưng không làm rõ hôn nhân giữa cụ Võ Thị T với 03 người chồng thì hôn nhân nào là hợp pháp.

[3.2] Về tài sản tranh chấp:

Bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp có từ trước năm 1975, do cụ T mua của địa chủ Nguyễn Văn Tài vào năm 1960 nhưng chỉ thu thập hồ sơ thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ mục kê vào năm 2004 của cụ Võ Thị T (bút lục 132-145) mà không thu thập hồ sơ tài liệu 299 theo Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 để xác định nguồn gốc quyền sử dụng đất, ai kê khai, số thửa và diện tích bao nhiêu. Trong hồ sơ vụ án, tại đơn xin kê khai quyền sử dụng đất ngày 19/6/2003 của cụ Võ Thị T (do bà Võ Thị V kê khai dùm) thể hiện diện tích kê khai là 148,8m² có ghi nguồn gốc sử dụng đất “*CQ, chiếm công công cộng*” và tại trang 2 ở phần ý kiến của cơ quan địa chính thể hiện nội dung: “*đủ điều kiện nhưng phải hoàn thành thủ tục CQ trước khi cấp GCNQSD đất*” (bút lục 134); 01 tờ nhượng đất ngày 31/5/1997 với nội dung cụ Võ Thị T nhượng 01 phần đất của bà Nguyễn Lan Phương dài 5m, ngang 5,3m với giá 4,5 cây vàng 24K (bút lục 106, bản photo), nhưng Tòa án sơ thẩm chưa đề nghị Ủy ban nhân dân huyện làm rõ nội dung trong đơn đăng ký của cụ T như: diện tích chuyển quyền là bao nhiêu, diện tích lấn chiếm công cộng là bao nhiêu, nếu nguồn gốc đất do cụ T nhận chuyển nhượng thì tại sao khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi cấp cho hộ cụ Võ Thị T; chưa làm rõ có phải phần diện tích mua của bà Phương vào năm 1997 hay không.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Cao Thị Bé H cho rằng cụ L có để lại cho cụ T một số vàng, bà góp vàng cho cụ T mua đất và cất nhà, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nội dung này, đồng thời chưa làm rõ tài sản tranh chấp có phải là tài sản chung của vợ chồng cụ T, của hộ gia đình hay là tài sản riêng của cụ Võ Thị T.

Mặt khác, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Võ Thị T và hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2002 thì thửa số 21, diện tích là 148,8m² (bút lục 136, 139) là một thửa nguyên nhưng khi đo đạc thực tế vào năm 2018 thì diện tích là 130,2m² (giảm 18,2m²) gồm 02 phần: 01 phần diện tích 24m², một phần diện tích 105,3m² và bị chia cắt bởi 01 mương thoát nước (bút lục 118-122). Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự yêu cầu chia 148,8m², nhưng Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ nguyên nhân thiếu 18,2m² là do đâu.

Bên cạnh đó, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004, cụ T đang có quan hệ hôn nhân với cụ Lê Văn H (mất năm 2012), cấp sơ thẩm chưa làm rõ quyền sử dụng đất này có phải là tài sản chung của cụ T, cụ H không. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/02/2021, chị Lê Thị L (con của cụ T và cụ H) xác định ngoài cụ Võ Thị T, thì cụ Lê Văn H còn có 01 người vợ khác và 05 người con đang sinh sống tại Vĩnh Long. Trường hợp có căn cứ xác định hôn nhân giữa cụ T và cụ H là hôn nhân hợp pháp và nhà,

đất đang tranh chấp là tài sản chung của cụ T và cụ H thì phải đưa những người con của cụ H với người vợ khác vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3.3] Khi giải quyết chia thừa kế của cụ T, Tòa án sơ thẩm chỉ chia 06 kỷ phần, còn những người thừa kế khác không chia; hồ sơ vụ án thể hiện cụ Võ Thị T có 10 người con (có 02 người chết không có vợ, con), trong khi đó các thừa kế của bà Võ Thị D (gồm anh Võ Văn Lê M, Võ Văn Lê T, Lê Ngọc Q) và các thừa kế của ông Nguyễn Văn T (gồm anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Hoàng L) đều có ý kiến là không đồng ý chia thừa kế và đồng ý giao cho bà V, bà L quản lý nhà, đất làm nhà thờ cúng, không phải từ chối nhận di sản thừa kế (bút lục 204-206; 210-212; 216-218; 257-259; 264-266); khi giải quyết chia thừa kế, cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức quản lý của bà Võ Thị V, bà Lê Thị L đối với di sản do cụ T để lại.

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà do gia đình chị Lê Thị L đang quản lý, sử dụng. Theo nội dung Tờ di chúc ngày 23/11/2006, cụ T để lại căn nhà có cấu trúc bằng cây tạp, mái lợp tole, nền xi măng nhưng tại Biên bản định giá ngày 13/4/2018 của Hội đồng định giá và Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Định giá và Tư vấn đầu tư quốc tế ngày 21/8/2020 (bút lục 460-475) xác định: căn nhà có kết cấu cột kèo, gỗ quy cách, vách tường, mái tole, nền xi măng, có khu phụ, không trần, 01 vách nhò và có 01 mái che có kết cấu cột, kèo gỗ quy cách, mái tole, nền gạch tàu, 01 hàng cột nhò, Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ tình trạng căn nhà trên đất tại thời điểm cụ T mất và thời điểm giải quyết tranh chấp có sự thay đổi như thế nào; có xây dựng lại hay không; ai là người xây dựng lại, giá trị tăng thêm của căn nhà hiện nay so với thời điểm cụ T mất.

[3.4] Về định giá tài sản: Khi giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm tiến hành định giá nhà, đất tranh chấp vào ngày 13/4/2018 (trị giá diện tích 148,8m², nhà và mái che là 1.535.012.000 đồng, bút lục 112-113) nhưng đến ngày 11/9/2020 mới tiến hành xét xử, nên giá trị tài sản tranh chấp có nhiều thay đổi, mà Tòa án không tiến hành định giá lại. Bà Võ Thị P, chị Lê Thị L1 và anh Võ Tấn T đã tự yêu cầu Công ty cổ phần Định giá và Tư vấn đầu tư quốc tế định giá tài sản tranh chấp và nộp cho Tòa án sơ thẩm Chứng thư thẩm định giá của ngày 21/8/2020 với giá trị tài sản tranh chấp là 3.557.691.000 đồng (định giá với diện tích đất là 130,2m², bút lục 460-475). Tòa án sơ thẩm đã cộng kết quả định giá ngày 13/4/2018 của Hội đồng định giá với kết quả định giá theo Chứng thư ngày 21/8/2020 rồi tính trung bình cộng của 02 kết quả này để xác định giá trị tài sản tranh chấp, là không có căn cứ, vi phạm Điều 97 và Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.5] Về Tờ di chúc ngày 23/11/2006: Nguyên đơn Cao Thị Bé H, bà Võ Thị P, chị Lê Thị L1 và anh Võ Tấn T (T) đều có yêu cầu hủy di chúc với lý do cụ T không biết đọc, viết. Tại phiên tòa, chị Lê Thị L xác định cụ T chỉ viết được tên, không biết đọc; còn bà Võ Thị V trình bày cụ T biết đọc nhưng không viết tên được. Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành xác minh đối với ông Phạm Văn Đồng, người chứng thực di chúc (bút lục 304) nhưng chưa làm rõ việc cụ T có biết đọc, biết viết hay không.

[3.6] Ngoài ra, một số tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chỉ là bản photo, không đảm bảo giá trị pháp lý của chứng cứ theo quy định tại Điều 93, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

Với những vi phạm và thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không khắc phục được, cần hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CB giải quyết lại theo thủ tục chung. Do hủy bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu

kháng cáo của bà Võ Thị V, chị Lê Thị L, anh Đặng Võ Minh Q và chị Đặng Võ Phương Hồng T cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Võ Thị P, bà Lê Thị L1 và ông Võ Tấn T.

[4] Xét, đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Tiền Giang là có căn cứ.

[5] Về án phí: Các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 150/2020/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Về án phí: Hoàn lại cho bà Võ Thị V, bà Lê Thị L mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003969 và số 0003968 ngày 18/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Hoàn lại cho anh Đặng Võ Minh Q và chị Đặng Võ Phương Hồng T mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003971 và số 0003970 ngày 21/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 40 phút, ngày 05/02/2021, có mặt bà Bé H, bà V, bà L và ông T; luật sư D và các đương sự còn lại vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;
- Chi cục THADS huyện CB;
- Các đương sự;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, án văn.

DSPT-2021-Tâm

Lê Thị Hồng Tâm